

Bản án số: 97/2026/HNGĐ-ST

Ngày 28/5/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bắc;

2. Bà Hoàng Thị Việt Hà;

Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thao - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị V, sinh ngày 20/3/2003;
Số CCCD: 024303000322

- *Bị đơn:* Anh Bàn Văn T, sinh ngày 22/4/1992;
Số CCCD: 024092012718
Cùng nơi cư trú: TDP Đ, phường P, tỉnh Bắc Ninh.

(Chị V vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Đỗ Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Bàn Văn T vào ngày 29/9/2021, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới

hỏi theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là phường P, tỉnh Bắc Ninh), cưới xong chị về chung sống tại gia đình nhà anh T luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, hay xảy ra cãi nhau, hiện nay anh chị không còn liên lạc với nhau nữa và đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2024 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Bàng Văn T1, sinh ngày 19/8/2022 và cháu Bàng Thị Thảo M, sinh ngày 14/3/2025. Hiện nay cháu T1 đang ở cùng anh T, cháu M đang ở cùng chị. Chị đề nghị sau khi ly hôn giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1, giao cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M. Về cấp dưỡng nuôi con hai tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

[2] *Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/4/2026 anh Bàng Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị V được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang ngày 29/9/2021. Sau khi kết hôn chị V về nhà anh ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận hạnh phúc, đến khoảng tháng 6/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị V và bố mẹ đẻ của anh không hợp nhau, hay xảy ra mâu thuẫn, anh đã hoà giải khuyên bảo bố mẹ và chị V nhưng hai bên không nghe, chị V đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống ở thôn Đ, xã N, tỉnh Bắc Ninh từ tháng 8/2024 đến nay và vợ chồng đã ly thân. Anh đã gặp chị V để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị V không đồng ý. Nay chị V đề nghị ly hôn anh không đồng ý, do tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị V trình bày là đúng. Nếu chị V nhất quyết ly hôn anh nhất trí giao cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1, giao cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M. Về cấp dưỡng nuôi con hai tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

[3] *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn không đến làm việc theo triệu tập của Tòa án là vi phạm về nghĩa vụ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273; Điều 280

của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ, phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị V và anh Bàn Văn T được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Thị Thảo M, sinh ngày 14/3/2025 và giao cho anh Bàn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Văn T1, sinh ngày 19/8/2022.

Về cấp dưỡng nuôi con chị V, anh T đều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị V, anh T đều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Đỗ Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn anh Bàn Văn T có hộ khẩu thường trú tại TDP Đ, phường P, tỉnh Bắc Ninh. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị Đỗ Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị V và anh Bàn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là phường P, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 29/9/2021. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Theo chị V nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, hiện nay không còn liên lạc với nhau và đã sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay. Anh T xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn do chị V và bố mẹ anh không hợp nhau, vợ chồng đã ly thân từ

tháng 8/2024 đến nay. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm nhưng cũng xác định đã nhiều lần hàn gắn song không có kết quả.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình”.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị V và anh T đã vi phạm quyền nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Đỗ Thị V và anh Bàn Văn T được ly hôn nhau.

Về con chung: Chị V và anh T có 02 con chung là cháu Bàn Văn T1, sinh ngày 19/8/2022 và cháu Bàn Thị Thảo M, sinh ngày 14/3/2025. Hiện nay cháu T1 đang ở cùng anh T, cháu M đang ở cùng chị V. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất nếu ly hôn thì giao anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1; giao chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với điều kiện thực tế chăm sóc con chung, đảm bảo sự ổn định về đời sống và quyền lợi mọi mặt của các cháu nên cần chấp nhận.

Sau khi ly hôn, chị V, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ, phí Tòa án

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ, phí Tòa án, xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị V; Cho chị Đỗ Thị V và anh Bằng Văn T được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bằng Thị Thảo M, sinh ngày 14/3/2025 và giao cho anh Bằng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bằng Văn T1, sinh ngày 19/8/2022.

Về cấp dưỡng nuôi con các bên không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0002323 ngày 23/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị V đã nộp đủ tiền án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – BN;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- UBND phường Phương Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- THA dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Toàn

